

Số: /2021/NQ-HĐND Lạng Sơn, ngày tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên,
vận động viên; chế độ chi tiêu tài chính; tiền thưởng đối với các giải thi đấu
thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật Sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 152/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ về quy định một số chế độ đối với huấn luyện viên, vận động viên thể
thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30
tháng 12 năm 2011 của liên Bộ Tài chính và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch
quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao;*

*Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn
luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;*

*Xét Tờ trình số 89/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh
dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên; chế độ chi tiêu tài chính;
tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo
thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của
các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi để thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018; chế độ chi tiêu tài chính; tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quyết định trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn bao gồm: Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng (định kỳ 04 năm/lần); Giải thi đấu từng môn thể thao, Hội thi thể thao, Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật (sau đây gọi chung là giải thi đấu thể thao).

2. Đối tượng áp dụng

a) Huấn luyện viên, vận động viên thể thao thuộc Đội tuyển cấp tỉnh, Đội tuyển trẻ cấp tỉnh, Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh, Đội tuyển các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Đội tuyển cấp huyện).

b) Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các tiểu ban Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; thành viên Ban tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu thể thao; trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu thể thao.

c) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng liên quan khác thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu các giải thi đấu thể thao.

d) Đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ phục vụ lễ khai mạc Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng (gồm người tập và giáo viên quản lý, hướng dẫn).

Điều 2. Nội dung và mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập huấn và thi đấu

1. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển cấp tỉnh	240.000
2	Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	200.000
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	160.000
4	Đội tuyển cấp huyện	160.000

2. Chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại khoản 14 Điều 1 của Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục thể thao:

Đơn vị tính: đồng/người/ngày

STT	Đội tuyển	Mức ăn hàng ngày
1	Đội tuyển cấp tỉnh	320.000

2	Đội tuyển trẻ cấp tỉnh	240.000
3	Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh	200.000
4	Đội tuyển cấp huyện	200.000

3. Thời gian được hưởng chế độ: là số ngày có mặt thực tế tập trung tập huấn và tập trung thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Điều 3. Chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh

1. Chi tiêu ăn trong quá trình tổ chức giải

a) Tiền ăn cho các đối tượng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này (bao gồm cả thời gian tối đa 02 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị tổ chức giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu): 180.000 đồng/người/ngày.

b) Tiền ăn cho huấn luyện viên, vận động viên thực hiện theo khoản 2 Điều 2 của Nghị quyết này.

c) Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiêu ăn trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao sẽ không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú trong thời gian tham dự giải thi đấu thể thao theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành.

2. Tiền bồi dưỡng làm nhiệm vụ được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế. Đối với các đối tượng mà tiền bồi dưỡng không tính được theo ngày làm việc mà tính theo buổi thi đấu hoặc trận đấu, thì mức thanh toán tiền bồi dưỡng được tính theo thực tế, nhưng tối đa không được vượt quá 3 buổi hoặc 3 trận đấu/người/ngày.

a) Mức chi bồi dưỡng đối với các giải thi đấu cấp quốc gia tổ chức tại tỉnh:

Số TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	140.000
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	120.000
3	Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)	đồng/người/buổi	100.000
4	Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)	đồng/người/buổi	70.000
5	Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	đồng/người/buổi	60.000

b) Mức chi bồi dưỡng đối với giải thi đấu cấp khu vực tổ chức tại tỉnh và các giải thi đấu cấp tỉnh:

Số TT	Đối tượng hưởng	Đơn vị tính	Mức chi
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	95.000
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	đồng/người/ngày	70.000
3	Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)	đồng/người/buổi	70.000
4	Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)	đồng/người/buổi	60.000
5	Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	đồng/người/buổi	50.000
6	Giám sát, trọng tài Bóng đá 11 người	đồng/tổ/trận	1.000.000
	Giám sát, trọng tài Bóng đá 7 người	đồng/tổ/trận	700.000
	Giám sát, trọng tài Bóng đá 5 người	đồng/tổ/trận	500.000

c) Mức chi bồi dưỡng đối với các giải thi đấu cấp huyện bằng 70% mức chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này; đối với các giải thi đấu cấp xã bằng 50% mức chi quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 của Nghị quyết này.

d) Mức chi bồi dưỡng đối với các giải thi đấu thể thao do các ngành, các tổ chức đoàn thể tự cân đối kinh phí tổ chức được vận dụng theo mức chi bồi dưỡng đối với các giải thi đấu cấp huyện.

đ) Các giải thể thao cấp tỉnh tổ chức thi đấu ở huyện hoặc các giải thể thao cấp tỉnh có huy động lực lượng từ cấp huyện lên tỉnh làm nhiệm vụ thì tiền tàu xe đi, về, thuê chỗ nghỉ của các đối tượng quy định tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này được thanh toán theo chế độ tài chính hiện hành.

3. Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ tại Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng

a) Chi nhuận bút, thù lao cho các đối tượng: Biên kịch (bao gồm kịch bản văn học và kịch bản phân cảnh, dàn dựng), Đạo diễn, Chỉ huy dàn nhạc, Họa sỹ thiết kế (mỹ thuật sân khấu, phục trang, đạo cụ), Người thiết kế (ánh sáng, âm thanh) thực hiện sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn theo hợp đồng kinh tế giữa ban tổ chức với các tổ chức hoặc cá nhân. Mức chi căn cứ khoản 2 Điều 10 Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

b) Chi bồi dưỡng đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ tại Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh:

STT	Đối tượng hưởng	Mức chi
1	Người tham gia tập luyện	35.000
2	Người tham gia tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	45.000
3	Người tham gia biểu diễn chính thức	80.000
4	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	70.000

c) Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ đối với cấp huyện bằng 70% mức chi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này; đối với cấp xã bằng 50% mức chi quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

d) Mức chi tổ chức đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ do các ngành, các tổ chức đoàn thể tự cân đối kinh phí tổ chức được vận dụng theo quy định mức chi đối với cấp huyện.

Điều 4. Mức thưởng bằng tiền tại các giải thi đấu thể thao

1. Mức thưởng bằng tiền tại giải thi đấu thể thao cấp tỉnh

Đơn vị tính: đồng/huy chương (giải)

STT	Nội dung	Mức chi	
		Đại hội Thể dục thể thao (định kỳ 04 năm/lần)	Giải thi đấu từng môn thể thao, Hội thi thể thao, Giải thi đấu thể thao dành cho người khuyết tật
1	Giải cá nhân		
	Huy chương vàng (giải nhất)	1.200.000	1.000.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	900.000	800.000
	Huy chương đồng (giải ba)	600.000	500.000
2	Giải đôi		
	Huy chương vàng (giải nhất)	1.700.000	1.500.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	1.300.000	1.200.000
	Huy chương đồng (giải ba)	900.000	800.000
3	Giải đồng đội (các môn mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng		
	Huy chương vàng (giải nhất)	số người x 600.000	số người x 500.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	số người x 450.000	số người x 400.000
	Huy chương đồng (giải ba)	số người x 300.000	số người x 250.000

4	Giải thể thao mang tính tập thể		
4.1	Môn bóng đá 11 người		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	10.000.000	8.000.000
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	7.000.000	6.000.000
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	5.000.000	4.000.000
4.2	Môn bóng đá 7 người		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	8.000.000	7.000.000
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	6.000.000	5.000.000
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	4.000.000	3.000.000
4.3	Môn bóng đá 5 người		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	7.000.000	5.000.000
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	5.000.000	3.000.000
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	3.000.000	2.000.000
4.4	Môn bóng chuyền, bóng rổ		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	8.000.000	7.000.000
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	6.000.000	5.000.000
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	4.000.000	3.000.000
4.5	Môn bóng chuyền hơi		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	7.000.000	5.000.000
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	5.000.000	3.000.000
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	3.000.000	2.000.000
4.6	Môn kéo co		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	7.000.000	5.000.000
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	5.000.000	3.000.000
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	3.000.000	2.000.000
5	Giải toàn đoàn		
	<i>Giải nhất</i>	20.000.000	15.000.000
	<i>Giải nhì</i>	15.000.000	12.000.000
	<i>Giải ba</i>	10.000.000	8.000.000

2. Mức thưởng bằng tiền đối với Hội khỏe Phù Đổng của học sinh phổ thông (định kỳ 04 năm/lần) bằng 80% mức thưởng của Đại hội Thể dục thể thao cùng cấp.

3. Mức thưởng bằng tiền đối với các giải thể thao dành cho lứa tuổi trẻ, giải phong trào cấp tỉnh bằng 80% mức thưởng của giải thể thao cấp tỉnh.

4. Mức thưởng bằng tiền đối với giải thể thao cấp huyện và cấp xã: căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết

định mức thưởng phù hợp nhưng đối với giải thể thao cấp huyện không quá 70% mức thưởng của giải thể thao cấp tỉnh, cấp xã không quá 50% mức thưởng của giải thể thao cấp tỉnh.

5. Mức thưởng bằng tiền đối với giải thể thao do các ngành, các tổ chức đoàn thể tự cân đối kinh phí tổ chức được vận dụng theo mức thưởng đối với giải thể thao cấp huyện.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Nguồn ngân sách nhà nước:

a) Nguồn kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên; chế độ chi tiêu tài chính; tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn được bố trí trong dự toán của sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch hằng năm.

b) Nguồn kinh phí thực hiện chi tiêu tài chính đối với các giải thể thao cấp huyện, ngành và cấp cơ sở được bố trí trong dự toán ngân sách cùng cấp theo hạn mức hàng năm.

2. Khuyến khích các tổ chức, cơ quan, đơn vị liên quan khai thác các nguồn thu hợp pháp khác để bổ sung chế độ, chính sách, tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chế độ dinh dưỡng đối với vận động viên, huấn luyện viên trong thời gian tập trung tập luyện và thi đấu; chế độ chi tiêu tài chính các giải thi đấu thể thao tỉnh Lạng Sơn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- C, PCVP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh;
- Công báo Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn, Đài PTTH tỉnh; Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, HS Kỳ họp.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu